

Bản án số: 439/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Việt Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Mạnh Tường**.

Ông **Nguyễn Tiến Bộ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Vinh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhâm** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 350/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 172/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Phương T**, sinh năm 2003. Nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 2003. Nơi đăng ký thường trú: thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

(Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Hà Thị Phương T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 2003, trú tại: thôn H, xã Đ, huyện M, Tp Hà Nội tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/01/2024 tại UBND xã Đ. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được mấy tháng đầu thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, lối sống, anh D ham chơi nợ nần, còn lăng nhăng với người phụ nữ khác, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị đã tìm nhiều biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị đã ly thân từ đầu tháng 4/2024 đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai, chị và con chung là cháu Nguyễn Hà

Thảo N đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa sinh sống từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

- *Về con chung*: Chị và anh Trịnh Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Thảo N, sinh ngày 10/8/2023. Hiện nay cháu N đang ở với chị. Nay ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Tiến D đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh D đều vắng mặt, không có văn bản trình bày quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Phương T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/11/2024, ông Nguyễn Văn T1 (là bố đẻ của anh Nguyễn Tiến D) trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống với gia đình ông, anh D và chị T chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, lối sống, chị T hay ghen tuông vô cớ với anh D. Gia đình ông đã nhiều lần khuyên bảo anh D và chị T nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2024 đến nay, chị T đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa sinh sống từ đó đến nay. Nay chị T xin ly hôn thì anh D đã biết; anh D có quan điểm chị T muốn ly hôn thì tự giải quyết một mình còn anh D không xuống Tòa án làm việc vì anh D không muốn ly hôn. Trường hợp chị T cương quyết xin ly hôn thì anh D đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật; về con chung: Anh D1 và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Thảo N, sinh ngày 10/8/2023. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu N chuyển đi ở với chị T. Trường hợp ly hôn thì anh D1 đồng ý để chị T nuôi dưỡng cháu N, sau này có nguyện vọng nuôi con chung thì anh D1 sẽ có đơn yêu cầu sau; anh D1 và chị T không có tài sản chung và nợ chung.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/11/2024, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội thể hiện: Chị Hà Thị Phương T và anh Nguyễn Tiến D có đăng ký kết hôn số 03/2024 ngày 11/01/2024 tại UBND xã Đ. Hiện nay đời sống chung vợ chồng giữa chị T và anh D xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Địa phương đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân, chị T không còn chung sống cùng anh D tại địa phương. Chị Hà Thị Phương T và anh Nguyễn Tiến D có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Thảo N, sinh ngày 10/8/2023. Hiện nay cháu N đã chuyển đi nơi khác sinh sống cùng chị T. Quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Tiến D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức (Thẩm phán, Thư ký tòa án) đã thụ lý, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực

hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôn nay, bị đơn mặc dù được Tòa án nhiều lần giao các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không đến làm việc, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Phương T, xử cho chị Hà Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Thảo N, sinh ngày 10/8/2023. Từ khi vợ chồng ly thân cháu N ở với chị T, cháu N hiện dưới 36 tháng tuổi. Do vậy, đề nghị giao cho chị Hà Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- *Tài sản chung và nợ chung:* Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Hà Thị Phương T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Chị Hà Thị Phương T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Tiến D nên thuộc tranh chấp về *Ly hôn* theo quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Tiến D có đăng ký thường trú tại: thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Hà Thị Phương T và anh Nguyễn Tiến D được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M vào ngày 11/01/2024 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc và đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tiến D vắng mặt, thông qua bố đẻ của anh D là ông Nguyễn Văn T1 xác định anh D có quan điểm không muốn ly hôn và không đến Tòa án làm việc.

Ông T1 cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị T là do bất đồng quan điểm, lối sống, chị T hay ghen tuông vô cớ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh D không có mặt tại Tòa án để có quan điểm về việc chị T xin ly hôn với anh. Việc này chứng tỏ anh D không quan tâm đến cuộc sống chung và hạnh phúc vợ chồng. Xét thấy, các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D đã bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. *Về con chung*: Chị Hà Thị Phương T và anh Nguyễn Tiến D có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Thảo N, sinh ngày 10/8/2023. Con chung khoẻ mạnh, hiện nay đang ở với chị T.

Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Hà Thảo N của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Từ khi chị T và anh D ly thân đến nay, cháu N sinh sống ổn định với chị T, được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Thông qua bố đẻ của anh D là ông Nguyễn Văn T1 xác định anh D có quan điểm đồng ý để chị T nuôi dưỡng cháu N. Mặt khác, cháu N hiện dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của con chung nên cần thiết chấp nhận yêu cầu của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, theo đó giao cháu Nguyễn Hà Thảo N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Phương T đối với anh Nguyễn Tiến D.

Xử chị Hà Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

2. *Về con chung:* Xác nhận chị Hà Thị Phương T và anh Nguyễn Tiến D có 01 con chung Nguyễn Hà Thảo N, sinh ngày 10/8/2023.

Giao con chung Nguyễn Hà Thảo N, sinh ngày 10/8/2023 cho chị Hà Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh D đến khi có quyết định thay đổi khác.

Sau khi ly hôn anh D đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Hà Thị Phương T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008131 ngày 17/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị T và bị đơn anh D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- **UBND xã Đông Tâm;**
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Cường